

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN KỲ  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 80/2023/HS-ST

Ngày: 29/11/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ - TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Thái Văn Sửu.

Bà: Lê Thị Mai Hà.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2023/HSST ngày 10/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/01/1982 tại: huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm Đ, xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trương Văn T1, sinh năm 1937 (Đã chết) và bà: Đinh Thị T2, sinh năm 1937; vợ: Lang Thị H, sinh năm 1985; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo Trương Văn T bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 20/9/2023 đến nay tại nhà T3 giữ Công an huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970, cư trú tại: xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* chị Lang Thị H1, sinh năm 1980; trú tại: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1989; trú tại: Xóm K, xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1971; trú tại: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 50 phút ngày 19/9/2023, Bị cáo Trương Văn T, sau khi uống bia cùng với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn T4 tại quán bia ở thác B thuộc xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, thì điều khiển xe máy của mình đi đến nhà chị Lang Thị H1, ở xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An để trả nợ. Khi đến nơi, T đứng trước cửa chính nhà chị H1 gọi *Hằng ơi, mở cửa cho anh mô,* thì bất ngờ bị ông Phạm Văn C (là người có quan hệ tình cảm với chị H1) đang ở trong nhà chị H1 đẩy mạnh cánh cửa ra làm cánh cửa đập mạnh vào trán T khiến T bị ngã ngửa ra sân. Sau đó, ông C hỏi *Ai đó* thì T không trả lời nên giữa ông C và T tiếp tục dùng tay, chân vật lộn, xô xát nhau trên sân nhà chị H1. Được một lúc thì T bỏ chạy ra ngoài đường và gọi điện thoại cho H2 và T4 (lúc này vẫn đang uống bia ở thác Bồn thuộc xóm H, xã T) kể về việc T bị đánh và nói H2 và T4 đến nhà chị H1 đón T về. Khoảng 10 phút sau thì H2 và T4 đi xe máy đến trước cổng nhà chị H1. Thấy có người đến nên ông C cầm theo 01 (một) chiếc xuống đi đến chỗ H2 và T4 đứng nói chuyện, sau đó T cũng đi đến chỗ ông C, H2 và T4 đứng. Khi thấy T, thì giữa ông C và T lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thách thức nhau. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, T đã rút 01 (một) con dao đâm (dao chặt) bằng kim loại dài khoảng 48cm dắt trên xe máy của T đang dựng cạnh đó, đứng cách ông C khoảng 1,5m, rồi cầm dao bằng tay phải giơ lên cao chém 01 (một) nhát hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái về phía người ông C đang đứng đối diện. Bị chém bất ngờ nên ông C liền giơ tay trái lên đỡ, thì nhát dao chém trúng tay trái của ông Cầu k bàn tay trái bị đứt lìa rơi xuống đường. Sau khi sự việc xảy ra, T điều khiển xe máy biển số 60B3-054.27 của anh T4 rời khỏi hiện trường. Nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 20/9/2023, T đã đến Công an xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An xin đầu thú và giao nộp lại con dao gây án. Còn ông Phạm Văn C được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện H3. Quá trình cấp cứu, điều trị, bàn tay trái của ông Phạm Văn C không nối lại được.

Ngày 20/9/2023, Công an xã T, huyện T đã bàn giao bị cáo T, hồ sơ cùng tang vật liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Nghệ An để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 21/9/2023 tại Khoa hồi sức tích cực ngoại khoa, Bệnh viện H3 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Nghệ An phối hợp với Bác sỹ Khoa hồi sức

tích cực ngoại khoa tiến hành đối với bị hại Phạm Văn C, phát hiện thấy có dấu vết ở vị trí trên thân thể như sau: Các ngón tay của bàn tay trái bị đứt lìa xuất hiện các mảng tím, da nhăn nheo, chích các đầu ngón tay của bàn tay trái không có máu chảy. Vị trí đứt lìa ở cổ tay trái đã được nối và xử lý, bờ mép vết thương phức tạp.

Ngày 25/9/2023, bị hại Phạm Văn C đã nhờ cháu là Trương Văn T5, trú tại: xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An viết đơn xin giám định tỷ lệ thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc để giải quyết theo quy định. Cùng ngày 25/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 98/QĐ-CSĐT để giám định tỷ lệ phần trăm thương tích trên cơ thể của ông Phạm Văn C do Trương Văn T gây ra.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 540/KLTTCT-TTPY ngày 26/9/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh N kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn C tại thời điểm giám định là 53% (*Năm mươi ba phần trăm*)

Tại bản cáo trạng số: 79/CT-VKSTK ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ đã truy tố bị cáo Trương Văn T, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Văn T mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 20/9/2023.

*Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại thực tế cho ông Phạm Văn C số tiền 83.424.189 đồng (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*). Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại tổng: 44.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng*) (Trong đó: gia đình trực tiếp bồi thường cho bị hại 4.000.000 đồng; Nộp tại chi cục THADS huyện T 40.000.000 đồng theo biên lai số 0000533 ngày 28/11/2023). Nay buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Văn C số tiền còn lại là 39.424.189 đồng (*Ba mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*).

*Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao đăn (dao chặt); 01 (một) chiếc xuồng.

*Về án phí:* Bị cáo Trương Văn T thuộc hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí vì vậy áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH miễn nộp toàn bộ tiền tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Phần tranh luận: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

Bị cáo Trương Văn T có lời nói sau cùng: Bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội. Bị cáo thật sự rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị hại Phạm Văn C yêu cầu bị cáo Trương Văn T bồi thường tổng số tiền là: 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình thăm hỏi, hỗ trợ cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Số tiền còn lại bị hại Phạm Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường là: 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi một triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung của bản cáo trạng đã nêu và quy kết, không có khai nại gì khác. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đầy đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ 50 phút ngày 19/9/2023, tại nhà chị Lang Thị H1 ở xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, trong quá trình xảy ra mâu thuẫn, xích mích, Trương Văn T đã dùng 01 (một) con dao đâm (dao chặt) bằng kim loại có chiều dài khoảng 48cm đứng đối diện và dùng tay phải chém 01 (một) nhát hướng từ trên xuống, xiết từ phải qua trái trúng vào tay trái ông Phạm Văn C đang đứng đối diện. Hậu quả: ông C bị đứt lìa bàn tay trái rơi xuống đường, gây tổn thương cho cơ thể ông Cầu là 53% (*Năm mươi ba phần trăm*).



Như vậy: Hành vi trên đây của bị cáo Trương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cố ý gây thương tích*” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Trương Văn T thực hiện là loại tội phạm thuộc vào trường hợp rất nghiêm trọng, không có đồng phạm, một mình bị cáo thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện đến Công an xã T, huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình; mặt khác, bị cáo đã tác động gia đình thăm hỏi và hỗ trợ cho bị hại số tiền 44.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng*), nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an trên địa bàn địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo sợ.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được việc dùng 01 (một) con dao đâm chém 01 (một) nhát vào tay trái ông Phạm Văn C là xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của ông C, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần có đường lối xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết. Điều đó vừa thể hiện tinh thần nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn yêu cầu bồi thường dân sự ngày 25/10/2023 (Bút lục 115) bị hại anh Phạm Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe, các chi phí điều trị, tiền công không lao động được, tổng số tiền 204.000.000 đồng (*Hai trăm linh bốn triệu đồng*), gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Cụ thể các khoản sau:

- Chi phí điều trị: 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*);
- Chi phí thuốc mua ngoài: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);
- Chi phí ngày công lao động bị mất: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);
- Chi phí ngày công người chăm sóc: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);
- Thiệt hại lao động sau này: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*);
- Tổn thất tinh thần: 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*);
- Tổn thất sức khỏe: 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Phạm Văn C yêu cầu thêm khoản tiền xe chở đi cấp cứu 01 (một) lượt đi là: 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*); và thiệt hại ngày công không lao động được sau điều trị là 15 ngày. Rút yêu cầu thanh toán tổn thất sức khỏe: 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*). Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu bồi thường của bị hại Phạm Văn C là chính đáng, nhưng theo tài liệu, hóa đơn chứng từ bị hại cung cấp và theo quy định của pháp luật, thì chỉ có căn cứ để chấp nhận cho bị hại những khoản sau:

\* **Chi phí điều trị** (từ ngày 20-28/9/2023), bao gồm:

+ Tiền viện phí điều trị tại Bệnh viện H3 từ ngày 20-28/9/2023 là: 21.219.011 đồng (BL 121-122, 126);

+ Tiền thuốc mua ngoài: ngày 21/9/2023: 632.000 đồng (BL 128); ngày 22/9/2023: 1.215.000 đồng (BL 129); ngày 23/9/2023: 380.000 đồng (BL 127); ngày 28/9/2023: 4.864.589 đồng (BL 125, 126). Tổng: 7.127.589 đồng (*Bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

\* **Thu nhập thực tế bị mất của bị hại** trong khoảng thời gian điều trị từ ngày 20 đến ngày 28/9/2023 và 15 ngày tiếp theo không lao động được:  $(5.500.000đ : 30 \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày} = 4.400.000 \text{ đồng}$  (*Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*);

\* **Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc** từ ngày 20-28/9/2023:  $(6.000.000đ : 30 \text{ ngày}) \times 09 \text{ ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$  (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*);

\* **Chi phí tổn thất về tinh thần** đối với người bị thiệt hại theo quy định là tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định:  $(1.800.000đ \times 50) : 100 \times 53\% \text{ (tổn thất sức khỏe)} = 47.700.000 \text{ đồng}$  (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*).

\* **Tiền xe chở đi cấp cứu 01 (một) lượt đi** là: 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*);

Đối với tổn thất sức khỏe mà ông C yêu cầu số tiền 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*), tại phiên tòa ông C đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử

không xem xét. Đối với chi phí thiệt hại về lao động sau này: 100.000.000 đồng, căn cứ khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 6/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại là những thiệt hại thực tế xảy ra được tính thành tiền tại thời điểm giải quyết bồi thường vì vậy yêu cầu này của bị hại không được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường bị hại yêu cầu được chấp nhận là: 83.424.189 đồng (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*).

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại thực tế cho bị hại Phạm Văn C tổng số tiền: 83.424.189 đồng (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*), bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 79.424.189 đồng (*Bảy mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*), được trừ vào số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) gia đình bị cáo đã nộp tại chi cục THADS huyện T theo biên lai số 0000533 ngày 28/11/2023). Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Văn C số tiền còn lại là 39.424.189 đồng (*Ba mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*).

[7] Về vật chứng vụ án gồm: 01 (một) con dao đâm (dao chặt); 01 (một) chiếc xuông là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Văn T thuộc hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí vì vậy áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T 4 (B) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường số tiền còn lại là 79.424.189 đồng (*Bảy mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi*

chín đồng), được trừ vào số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại chi cục THADS huyện T theo biên lai số 0000533 ngày 28/11/2023). Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Văn C số tiền còn lại là 39.424.189 đồng (Ba mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điều Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao đâm (dao chặt); 01 (một) chiếc xuống.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Tân Kỳ;
- VKSND huyện Tân Kỳ;
- Chi cục THADS Tân Kỳ;
- Bị cáo, bị hại; NCQLNVLQ;
- UBND xã Giai Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**









